

MÃ CHỨNG KHOÁN: TCR

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
TAICERA ENTERPRISE COMPANY



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018

Năm 2018

MỤC LỤC

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & TỔNG GIÁM ĐỐC	13
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	41
THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	42
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	44
THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC.....	45
CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG.....	46

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera là 01 (một) trong 06 (sáu) Công ty có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên tại Việt Nam được Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận cho chuyển đổi thành Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch thạch anh phản quang, gạch men và sản phẩm sứ; xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

- Tên gọi Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GỐM SỨ TAICERA
- Tên giao dịch đối ngoại: TAICERA ENTERPRISE COMPANY
- Tên viết tắt: TAICERA
- Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (84.2513) 841 594 - 841 597 Fax: (84.2513) 841 598 - 841 592
- Email: tcr@hcm.vnn.vn Website: <http://www.taicera.com>
- Nhân hiệu thương mại:



- Vốn điều lệ:
 - Vốn điều lệ Công ty: 454.328.360.000 (Bốn trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi nghìn) đồng.

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera được thành lập năm 1994 do 20 cổ đông người Đài Loan thành lập theo Giấy phép 764/GP do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, nay là Bộ kế hoạch và đầu tư cấp ngày 11/1/1994. Tổng vốn đầu tư ban đầu là USD19,500,000, trong đó vốn pháp định là USD 8,500,000. Thời gian hoạt động đăng ký là 30 năm. Chức năng hoạt động là sản xuất gạch thạch anh, gạch men và các sản phẩm sứ. Trụ sở nhà máy đặt tại Khu công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

Nhận thấy những thay đổi tích cực trong môi trường kinh doanh tại Việt nam, Công ty đã liên tục mở thêm chi nhánh ở các thành phố, địa bàn trọng điểm; tăng thời hạn hoạt động lên 50 năm và điều chỉnh tăng vốn đầu tư để mở rộng thêm dây chuyền sản xuất và bổ sung chức năng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

hoạt động. Đến nay, Taicera đã có 06 chi nhánh tại Tp HCM, Tp Hà Nội, Tp Đà Nẵng, Tp Cần Thơ, Tp Nha Trang và Tp Hải Phòng nhằm hỗ trợ việc phân phối sản phẩm tới các địa bàn lân cận. Cụ thể như sau:

- Miền Nam: chi nhánh Tp Hồ Chí Minh phân phối sản phẩm cho Tp Hồ Chí Minh, Thủ Đức, Biên Hòa, Đồng Nai v.v...
- Miền Tây Nam Bộ: chi nhánh tại Cần Thơ cung cấp sản phẩm cho Cần Thơ và các tỉnh Long An, An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang, Cà Mau, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu v.v...
- Miền Bắc: chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng phân phối cho Hà Nội và các tỉnh lân cận Hà Giang, Thanh Hóa, Hải Phòng, Hải Dương, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn, Ninh Hà, Lai Châu, Vĩnh Phúc, Thái Bình v.v...

Miền Trung: Công ty thành lập 2 chi nhánh tại Đà Nẵng và Nha Trang để phân phối sản phẩm cho Đà Nẵng, Nha Trang và các tỉnh Quy Nhơn, Gia Lai, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Lạt, Bảo Lộc, Buôn Ma Thuột, Phan Rang, Phan Thiết v.v...

Bên cạnh thị trường nội địa, sản phẩm gạch của Taicera đã bắt đầu thâm nhập thị trường nước ngoài từ năm 1998 với 2 thị trường Campuchia, Miến Điện; năm 1999 thêm thị trường Malaysia, Singapore; năm 2000 thêm Philippines; năm 2001 phát triển thêm thị trường Hàn Quốc và Đài Loan; năm 2002 sản phẩm đã đến Úc và Nhật Bản. Năm 2006, 2007 và 2008, 2009 tỷ trọng sản lượng xuất khẩu của Công ty chiếm lần lượt là 61%; 74%; 56% và 52% tổng sản lượng tiêu thụ.

Vốn đầu tư của Công ty liên tục tăng, từ 19,500,000 USD năm 1994 tăng lên 39,500,000 USD vào năm 1997; 49,500,000 USD năm 2000 và 66,166,667 USD năm 2005. Vốn pháp định tương ứng qua các năm là 8,500,000 USD; 11,850,000 USD; 14,850,000 USD và 19,850,000 USD.

Trải qua hơn 10 năm phát triển, Taicera đã xây dựng thành công một mô hình doanh nghiệp bằng sự kết hợp hài hòa giữa kỹ năng, trình độ quản lý của Đài Loan với văn hóa, con người và môi trường Việt Nam. Điểm căn bản tạo nên nền tảng chuyên nghiệp của mô hình này chính là ở sự đầu tư cơ bản về hệ thống quản lý và những chính sách nhân sự, tài chính linh hoạt và hiệu quả.

Ngày 15/4/2003, Chính phủ Việt Nam ban hành Nghị định 38 cho phép các công ty có vốn đầu tư nước ngoài được chuyển sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Taicera nhận thấy đây là một cơ hội tốt để tạo kênh huy động vốn mới, đa dạng hóa hình thức đầu tư, tạo cho các tổ chức và cá nhân có cơ hội mua lại cổ phần của Công ty. Việc chuyển đổi cũng làm thay đổi số lượng chủ sở hữu doanh nghiệp, tạo điều kiện cho Công ty cải tạo cơ cấu tài chính, tăng tỷ lệ huy động vốn từ các cổ đông, tự do hơn trong việc huy động vốn để mở

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

rộng quy mô sản xuất, giúp thay đổi tỷ lệ giữa vốn pháp định và vốn vay, tránh những điều ràng buộc khi phải vay vốn ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng.

Công ty đã nộp Hồ sơ xin chuyển đổi lên Bộ kế hoạch và Đầu tư và chính thức được chấp thuận chuyển thành công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài vào ngày 09/08/2005 theo Giấy phép số 764-CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp với giá trị vốn điều lệ là 250.05 tỷ đồng với 29 cổ đông góp vốn.

Ngày 08/11/2006, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 65/UBCK-ĐKPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 5,000,000 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 250.05 lên 300.05 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn hoàn tất vào ngày 19/12/2006 với tổng số phát hành là 4,969,000 cổ phần.

Ngày 06/06/2007, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 753/UBCK-QLPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 3,596,831 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 299.7 tỷ lên 335.7 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 23/07/2007 với tổng số phát hành là 3,596,831 cổ phần.

Ngày 09/07/2008, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký phát hành số 1362/UBCK-QLPH do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp về việc phát hành 2,014,220 cổ phần tăng vốn điều lệ từ 335.7 tỷ lên 355.8 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 04/9/2008 với tổng số phát hành là 2,014,220 cổ phần.

Ngày 25/5/2009, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,423,352 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2008, tăng vốn điều lệ từ 355.8 tỷ lên 370 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 28/9/2009 với tổng số phát hành là 1,423,352 cổ phần.

Ngày 25/5/2010, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,480,246 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2009, tăng vốn điều lệ từ 370 tỷ lên 384.88 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 01/8/2010 với tổng số phát hành là 1,480,246 cổ phần.

Ngày 25/5/2011, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 2,309,117 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2010, tăng vốn điều lệ từ 385 tỷ lên 407.97 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 20/07/2011 với tổng số phát hành là 2,309,117 cổ phần.

Ngày 18/5/2012, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 2,447,587 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2011, tăng vốn điều lệ từ 408 tỷ lên 432.45 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 30/08/2012 với tổng số phát hành là 2,447,587 cổ phần.

Ngày 13/6/2013, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 1,297,181 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2012, tăng vốn điều lệ từ 432 tỷ lên 445 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 22/7/2013 với tổng số phát hành là 1,297,181 cổ phần.

Ngày 23/6/2016, Công ty đã làm hồ sơ trình Ủy ban Chứng khoán về việc xin đăng ký phát hành 790,708 cổ phần để sử dụng trong việc trả cổ tức năm 2015, tăng vốn điều lệ từ 445 tỷ lên 454 tỷ đồng. Đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn để trả cổ tức hoàn tất vào ngày 01/08/2016 với tổng số phát hành là 790,708 cổ phần.

2. Quá trình phát triển

2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất gạch thạch anh phản quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

2.2 Tình hình hoạt động

2.2.1 Sản lượng sản phẩm

Hiện nay, Công ty đang cung cấp hai dòng sản phẩm chính là gạch men và gạch thạch anh.

- Gạch men, bao gồm: gạch ốp tường, gạch lát nền với các quy cách 20*20; 20*25; 20*30; 25*25; 25*33; 25*40; 30*30; 30*45; 40*40; 50*50; 60*60; 80*80; 100*100 gạch viền và điểm, gạch tranh, gạch cắt thủy lực (Đơn vị tính: cm).

Gạch thạch anh (gạch granite) là loại gạch lát nền với các quy cách 20*20; 20*27; 30 thạch anh; 30 bóng kiếng; 40 thạch anh; 40 bóng kiếng; 50 bóng kiếng; 60 bóng kiếng; 80 bóng kiếng; 100 bóng kiếng; gạch cắt nước, gạch cầu thang và chân tường (Đơn vị tính: cm).

2.2.2 Nguyên vật liệu

a. Các nguyên vật liệu chính

- Thổ liệu: Chủ yếu là trường thạch, cát, thổ 3 loại.
- Men liệu: Chủ yếu là men lót, men mặt, men in 3 loại.
- Phụ gia: Chất giải keo, chất tăng độ cứng, chất cố định.

b. Nguồn nguyên vật liệu

- Thổ liệu: chủ yếu tại Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc
- Men liệu: chủ yếu tại Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam
- Phụ gia: Chủ yếu tại Trung Quốc, Đài Loan

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

c. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Chính phủ nâng cao thuế nhập khẩu nguyên liệu, do đó công ty tăng cường khai thác sử dụng nguyên liệu trong nước. Tuy nhiên, cho đến nay chính sách của Trung Quốc và Việt Nam vẫn chưa có sự thay đổi lớn, nên sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên liệu không bị ảnh hưởng đáng kể.

d. Các kế hoạch và biện pháp chủ động nguồn nguyên liệu

Công ty không ngừng tìm các nhà cung ứng với giá cả không cao từ Trung Quốc và Việt Nam, và tích cực cải tiến công thức phối liệu gạch thay thế bằng những nguyên liệu giá cả rẻ, nhằm mục đích hạn chế tăng giá thành sản xuất

2.2.3 Chi phí sản xuất

Công ty thực hiện kiểm soát dự toán chi phí sản xuất và chi phí quản lý nhằm phân bổ nguồn lực hiệu quả để đạt được các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đã đề ra.

2.2.4 Trình độ công nghệ

▪Trình độ công nghệ

Các dây chuyền sản xuất của Taicera được đầu tư với công nghệ của Italia hiện đại nhất tại Việt Nam.

Công ty đã thiết lập xưởng sản xuất tại Khu công nghiệp Gò Dầu rất thuận lợi về khuyến khích đầu tư và chiến lược quản lý chi phí lâu dài. Hiện Công ty có 3 xưởng sản xuất và 1 xưởng gia công tăng giá trị:

- Xưởng 1 gồm 2 dây chuyền sản xuất gạch men được đầu tư năm 1995 với chức năng sản xuất gạch men.
- Xưởng 2 gồm 2 dây chuyền sản xuất, được đầu tư năm 1999 và 2001 với chức năng sản xuất cả gạch men và thạch anh.
- Xưởng 3 gồm 3 dây chuyền sản xuất gạch thạch anh mài bóng trên diện tích đất đã thuê 6,8 ha với Công ty Sonadezi Biên Hòa ngày 01/09/2004.
- Xưởng gia công gồm 5 dây chuyền mài với chức năng gia công sản phẩm.

▪Công suất hoạt động hiện nay của nhà máy

Công suất hoạt động của nhà máy hiện nay trung bình là 30.000 m²/ngày tùy thuộc vào loại gạch được sản xuất.

▪Kế hoạch nâng cao năng lực sản xuất

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty đã tìm hiểu qui hoạch tổng thể của Chính phủ Việt Nam về xây dựng và giao thông, chẳng hạn như dự án xây dựng 3 đường vành đai ở Sài Gòn. Nhìn từ xu thế của Việt Nam hiện nay, sản phẩm cao cấp sẽ là trào lưu chủ yếu trong tương lai ở thị trường này.

2.2.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Mục tiêu kinh doanh của Công ty là lâu dài nhằm thỏa mãn thị trường rộng lớn trong và ngoài nước, tích cực nghiên cứu những ưu việt của sản phẩm nhằm mang đến cho khách hàng sự lựa chọn phong phú. Việc nghiên cứu phát triển tại Công ty luôn được quan tâm thực hiện.

Biện pháp nâng cao chất lượng:

- Tự kiểm tra, khống chế chất lượng trong quá trình sản xuất.
- Thực hiện theo hệ thống chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh để sản phẩm đạt đến tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

2.2.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Các chứng chỉ và hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm :

- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2000, số chứng nhận FM 37630 được cấp ngày 06/07/2000 bởi BSI Management Systems.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2008, số chứng nhận FM 37630 được cấp ngày 19/05/2013 bởi BSI Management Systems.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2015, số chứng nhận FM 37630 được cấp ngày 20/05/2016 bởi BSI Management Systems.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13006 : 2003, số chứng nhận PT052801 được cấp ngày 11/03/2005 bởi SIRIM QAS International Sdn.Bhd.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13006 : 2010, số chứng nhận PT052801 được cấp ngày 05/03/2015 bởi SIRIM QAS International Sdn.Bhd.
- Chứng nhận Hợp quy QCVN16:2017/BXD, số chứng nhận 07-11 (TCR01-CĐ-2018) được cấp ngày 02/03/2018 bởi Quatest 3.
- Chứng nhận CE Marking số (EU) CPR305/2011, được cấp ngày 21/03/2015 bởi NQA.

bsi.

Certificate of Registration



By Royal Charter

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 9001:2015

This is to certify that:

TAICERA ENTERPRISE COMPANY

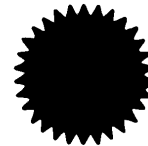
Go Dau Industrial Zone,
Phuoc Thai Village,
Long Thanh District,
Dong Nai Province,
Vietnam

Holds Certificate Number:

FM 37630

and operates a Quality Management System which complies with the requirements of ISO 9001:2015 for the following scope:

The design, manufacture, supply of ceramic and homogeneous tiles.



For and on behalf of BSI:

Chris Cheung, Head of Compliance & Risk – Asia Pacific

Original Registration Date: **06/07/2000**

Effective Date: **20/05/2016**

Latest Revision Date: **19/05/2016**

Expiry Date: **19/05/2019**

Page: 1 of 1



...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/ClientDirectory or telephone +84 (8) 38 200 066. Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001: 2015 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
A member of the BSI Group of Companies.

2.2.7 Hoạt động Marketing

Sản phẩm

Chiến lược sản phẩm của công ty trong tương lai sẽ được chú trọng như sau:

a. Sản phẩm chính:

- Các sản phẩm mài bóng: 100x100, 80x80, 60x60 (bao gồm gạch nhiều ống, hạt mịn, in thâm v.v...).
- Sản phẩm gạch thạch anh: 40x40, 30x30; 25x25 (bao gồm gạch men thường, hạt mè v.v...).
- Các sản phẩm gạch giả cổ: 60x30, 30x30, 40x40.
- Các sản phẩm phát minh mới: 80x80, 60x60, 40x40.

b. Sản phẩm phối hợp:

- Các sản phẩm gạch men ốp tường: 25x25, 25x40, 60x30.
- Các sản phẩm gạch men lát nền: 25x25, 30x30, 40x40.
- Sản phẩm gạch viền gia công: gia công gạch viền, gạch chân tường, gạch cầu thang, gạch cắt thủy lực.

Phân phối

Việc phân phối sản phẩm sẽ được thực hiện trực tiếp và gián tiếp. Cụ thể, Taicera thiết lập một mạng lưới phân phối rộng khắp trong nước và nước ngoài, bao gồm các cửa hàng và đại lý. Như vậy, sản phẩm sẽ được bán gián tiếp thông qua đại lý hoặc trực tiếp thông qua các cửa hàng và công trình xây dựng.

- Thị trường nước ngoài: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Philippines, Singapore, Thailand v.v...
- Trong nước: chủ yếu 6 chi nhánh và các công trình xây dựng.

2.2.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền

a. Nhãn hiệu Taicera

- Giấy Chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 16917 ngày 31/05/1995 và quyết định gia hạn số A 7158/QĐ- ĐK ngày 04 /10/2004 do Cục Sở hữu Công nghiệp – Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường cấp.
- Thời hạn bảo hộ: từ ngày 28/10/1994 đến ngày 20/11/2023

b. Nội dung bảo hộ:

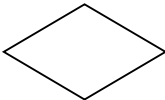
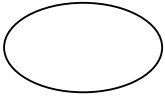
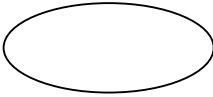
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- Mẫu nhãn hiệu thương hiệu:



Hình 8: Nhãn hiệu Taicera

- Màu sắc nhãn hiệu: đỏ, trắng
- Ý nghĩa:

Biểu tượng	Định nghĩa thực thể	Định nghĩa logic
	Thể hiện hình gạch men	Bên trong hình vuông, thể hiện tính nguyên tắc
	Thể hiện hình địa cầu	Bên ngoài tròn, thể hiện sự thông thoáng, toàn vẹn
	Thể hiện mặt địa cầu	Vững vàng, không thay đổi, làm vừa lòng khách hàng
TAICERA	Tên Công ty	Tên viết tắt: TCR - T: Trust (Uy tín) - C: Classic (Chất lượng) - R: Revolutions (Sáng tạo)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH ĐẦU TƯ DỰ KIẾN NĂM 2019**

Lời đầu tiên, tôi xin thay mặt đội ngũ kinh doanh Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ TAIERA, gửi lời cảm ơn chân thành đến các vị cổ đông đã luôn ủng hộ và đồng hành cùng công ty trong suốt thời gian qua.

Lượng tiêu thụ của công ty trong năm 2017 là 9.705.734 m², tăng 1,8% so với năm 2016, doanh thu bán hàng đạt 1.369,2 tỷ đồng, giảm 0,7% so với năm 2016, tỷ lệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu lần lượt chiếm 75,5% và 24,5%, từ số liệu trên cho thấy lượng xuất khẩu giảm đi đáng kể.

Sản lượng tiêu thụ sản phẩm phân theo thị trường năm 2017-2018*Đơn vị tính: m²*

Năm	2017		2018	
	Trong nước	Xuất khẩu	Trong nước	Xuất khẩu
Lượng tiêu thụ	6.843.129	2.686.771	7.324.147	2.381.587
Tỷ trọng(%)	71,8%	28,2%	75,5%	24,5%
Lượng tiêu thụ cả năm	9.529.900		9.705.734	
Tỷ lệ tăng giảm lượng tiêu thụ cả năm(%)				+1,8%

Các chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2017-2018*Đơn vị tính: VND*

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu bán hàng	1.379.363.539.469	1.369.245.628.068
Các khoản giảm trừ	21.496.690.114	19.952.076.478
Doanh thu thuần về bán hàng	1.357.866.849.355	1.349.293.551.590
Giá vốn hàng bán	1.186.010.881.750	1.211.047.830.923
Lợi nhuận gộp về bán hàng	171.855.967.605	138.245.720.667
Lợi nhuận thuần trước thuế	(71.767.179.333)	(116.838.315.404)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(2.573.678.514)	(2.630.935.282)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	(69.193.500.819)	(114.207.380.122)
Lợi nhuận thuần sau thuế (cty mẹ)/ doanh thu thuần	-5,1%	-8,5%

Thị trường ngành xây dựng trong nước của Việt Nam trong năm 2018 tương đối ổn định, đồng thời khách hàng trong và ngoài nước rất tin tưởng vào chất lượng sản phẩm và dịch vụ bán hàng của Taicera, về mặt kinh doanh công ty cũng đã không ngừng mở rộng khu vực bán hàng và các kênh tiếp thị, từ đó khiến thị trường trong nước cải thiện tăng lên. Tuy nhiên, sản lượng xuất khẩu của Công ty cũng giống như của năm 2017, một số quốc gia có tỷ lệ bán hàng xuất khẩu cao và lượng xuất khẩu tương đối lớn như Châu Âu, Đài Loan và các nước trong khối ASEAN, v.v... đã phải chịu sự tác động ảnh hưởng bởi bất ổn về chính trị hoặc suy thoái về kinh tế của nước họ, dẫn đến lượng tiêu thụ gạch bị sụt giảm. Cộng thêm tình hình bán phá giá của Ấn Độ, khiến cho sản lượng xuất khẩu của Công ty vẫn chưa có chuyển biến rõ rệt.

Chúng tôi thừa nhận rằng năm 2018 vừa qua đã làm không đủ tốt, đối mặt với trở ngại này, đã thúc giục chúng tôi cần phải tự suy xét triệt để hơn, phải tích cực trong cải tiến. Chúng tôi không có quyền bi quan, chỉ có thể cố gắng nỗ lực hơn nữa, tích hợp các nguồn lực hiện có, nắm bắt cơ hội phát triển của Việt nam để mở ra một tương lai mới.

Triển vọng năm 2019, nền kinh tế toàn cầu vẫn còn ẩn chứa rất nhiều nhân tố rủi ro. Phương án ứng phó của TAICERA chính là: Đối với thị trường trong nước, ngoài thương hiệu TAICERA, Công ty sẽ tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị kinh doanh cho nhãn hiệu TKG và Tekknia, cũng như duy trì việc liên tục đổi mới. Thiết kế và sửa sang lại phòng trưng bày sản phẩm mới của các chi nhánh và cửa hàng đại lý, mở rộng kênh bán hàng kinh doanh của công ty nhằm gia tăng lượng tiêu thụ trong nước. Bên cạnh đó, trong thời đại của sự thay đổi nhanh chóng, chúng tôi bắt đầu thiết lập dữ liệu kinh doanh nghiêm ngặt, đồng thời phân tích thường xuyên những thông tin được cung cấp trên cơ sở dữ liệu, để từ đó hiểu được nhu cầu của khách hàng và đưa ra đánh giá xác thực nhất.

Sản lượng gạch men ở Việt nam đứng thứ 5 trên toàn Thế giới, sự cạnh tranh thị trường ngày càng khốc liệt, chất lượng sản phẩm của các công ty cùng ngành cũng được nâng cao, tạo điều kiện cho TAICERA có cơ hội tận dụng thương hiệu và đường lối sẵn có của chúng tôi tìm kiếm đối tác thích hợp để sản xuất và gia công. Xu hướng sắp tới của TAICERA là nghiên cứu, đổi mới, thương hiệu, kênh tiêu thụ cũng như tìm kiếm đối tác hợp tác sản xuất và gia công. Do đó, một trong những mục tiêu của năm 2019 chính là tăng cường đội ngũ quản lý chất lượng sản phẩm của TAICERA (QC), kiểm soát chặt chẽ các sản phẩm ủy thác bên ngoài sản xuất và gia công.

Công tác khai thác sản phẩm mới mang tính đa dạng trong năm 2018 đã dần đem lại thành quả, và sẽ mang lại lợi nhuận cho Công ty trong năm 2019, cộng thêm mối quan hệ xung đột

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

thương mại Trung-Mỹ, một số đơn đặt hàng của Mỹ tại Trung Quốc đại lục cũng sẽ có cơ hội chuyển sang Công ty chúng tôi, năm 2019 Công ty có tham gia triển lãm Covering tại Mỹ, khách hàng của Mỹ rất quan tâm đến sản phẩm mới của Công ty chúng tôi, đây sẽ bước chuyển biến lớn so với trước đây.

Về mặt mở rộng phát triển thị trường Quốc tế, hàng năm Công ty đều có tham gia cuộc triển lãm gạch với quy mô lớn nhất Thế giới được tổ chức ở Italy, và triển lãm Covering tổ chức tại Mỹ. Bên cạnh đó, tại các nước Asean như Philippines, Myanmar, Indonesia, Malaysia, v.v..., đều có bố trí nhân viên kinh doanh của riêng công ty, nhằm tăng cường các kênh tiếp thị bán hàng của khối Đông Nam Á, cũng chính là củng cố bền vững tại Việt nam, thâm nhập các nước Asean và mở rộng phát triển ra toàn Thế giới.

Dự kiến cho năm 2019, tình hình tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu đều sẽ tốt hơn so với năm 2018, công ty cũng đã đề ra kế hoạch dự án, để triển khai thực hiện toàn diện về mọi mặt bao gồm hoạt động kinh doanh, sản xuất và nghiên cứu khai thác, quản lý điều hành, tài chính, nguồn nhân lực, v.v..., nhằm kiểm soát giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm một cách có hiệu quả. Thông qua việc tiếp tục duy trì những kế hoạch tăng cường tiếp thị bán hàng, chúng tôi tin chắc rằng sẽ có thể hoàn thành mục tiêu dự kiến cho năm 2019.

Công ty chúng tôi thành lập đến nay đã được 25 năm, rất nhiều đồng nghiệp vẫn rất gắn bó nỗ lực đồng hành cùng công ty, cùng nhau phát triển, tôi thấy cảm động vô cùng và rất cảm ơn mọi người. Năm 2019 đối với chúng tôi là một năm đầy thách thức, nhưng tôi tin rằng dưới sự phối hợp chung sức của toàn thể công nhân viên, nhất định sẽ có thể khắc phục và vượt qua được những khó khăn, và chúng ta chắc chắn sẽ ngày càng tốt hơn.

Cuối cùng, xin gửi lời cảm ơn mọi người đã tiếp tục ủng hộ và đồng hành cùng công ty, hy vọng những ý kiến đóng góp sẽ giúp công ty ngày càng phát triển.

Trân trọng!

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

CHEN CHENG JEN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

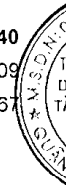
Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		934.524.392.565	868.496.175.546
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	146.583.527.680	192.840.815.205
111	1. Tiền		145.373.299.735	192.840.815.205
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.210.227.945	
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		11.573.151.090	
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	11.573.151.090	
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		197.355.937.774	174.349.295.640
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	164.492.855.185	147.444.405.909
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		9.267.016.855	7.181.949.367
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	06	29.792.277.216	26.538.416.573
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	07	(6.196.211.482)	(6.815.476.209)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	08	546.952.930.329	472.151.278.412
141	1. Hàng tồn kho		548.770.541.326	474.041.174.195
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(1.817.610.997)	(1.889.895.783)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		32.058.845.692	29.154.786.289
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	21.983.865.679	17.835.277.045
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.382.758.592	8.420.883.708
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	3.692.221.421	2.898.625.536
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		368.168.505.769	448.219.023.326
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		13.780.809.097	5.964.371.715
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	06	13.780.809.097	5.964.371.715
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
 Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

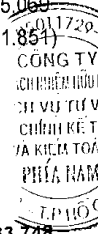
Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
220	II. Tài sản cố định		318.497.190.329	397.574.184.848
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	316.512.447.532	395.124.741.630
222	- Nguyên giá		1.631.688.837.476	1.625.680.373.693
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.315.176.389.944)	(1.230.555.632.063)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	1.984.742.797	2.449.443.218
228	- Nguyên giá		4.607.959.199	4.495.205.060
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.623.216.402)	(2.045.761.851)
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		35.372.224.301	30.788.633.748
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	35.372.224.301	30.788.633.748
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			11.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04		11.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		518.282.042	2.891.833.015
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	518.282.042	2.891.833.015
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.302.692.898.334	1.316.715.198.872



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
 Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

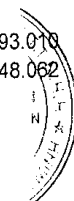
Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		830.511.765.157	727.246.437.924
310	I. Nợ ngắn hạn		783.843.765.157	727.078.437.924
311	1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	14	212.719.696.982	209.185.773.235
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		17.354.170.364	19.272.230.022
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	803.329.379	279.706.129
314	4. Phải trả người lao động		16.734.028.252	17.375.390.184
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	8.562.375.660	16.300.497.282
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	17	881.959.134	960.493.018
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	526.788.205.386	463.704.348.062
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
			46.668.000.000	168.000.000
330	II. Nợ dài hạn			
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác	17	168.000.000	168.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	46.500.000.000	
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		472.181.133.177	589.468.760.948
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	472.181.133.177	589.468.760.948
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		454.328.360.000	454.328.360.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		454.328.360.000	454.328.360.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		86.520.960.000	86.520.960.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ		(76.940.800)	(76.940.800)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		41.346.239.763	45.813.008.047
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.970.123.833	1.952.667.918
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(139.422.271.831)	(25.214.891.709)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(25.214.891.709)	43.978.609.110
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(114.207.380.122)	(69.193.500.819)
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		23.514.662.212	26.145.597.494
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.302.692.898.334	1.316.715.198.872

Đồng Nai, ngày 28 tháng 01 năm 2019

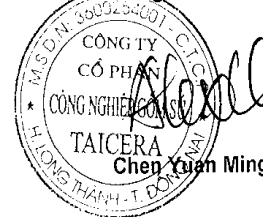
Người lập biểu

Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng

Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc



Chen Yuan Ming

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.369.245.628.068	1.379.363.539.469
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	19.952.076.478	21.496.690.114
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.349.293.551.590	1.357.866.849.355
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.211.047.830.923	1.186.010.881.750
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		138.245.720.667	171.855.967.605
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	7.957.946.259	3.432.357.688
22	7. Chi phí tài chính	25	38.608.772.777	26.576.989.531
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		27.988.609.234	21.376.176.891
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			
25	9. Chi phí bán hàng	26	129.891.867.728	129.834.954.345
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	99.032.839.514	97.548.225.880
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(121.329.813.093)	(78.671.843.935)
31	12. Thu nhập khác	28	4.580.072.152	7.446.033.269
32	13. Chi phí khác	29	88.574.463	541.368.667
40	14. Lợi nhuận khác		4.491.497.689	6.904.664.602
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(116.838.315.404)	(71.767.179.333)
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30		
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(116.838.315.404)	(71.767.179.333)
61	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của Công ty mẹ		(114.207.380.122)	(69.193.500.819)
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(2.630.935.282)	(2.573.678.514)
70	21. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	31	(2.514)	(1.523)
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			

Đồng Nai, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng



Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc



Chen Kuan Ming

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		(116.838.315.404)	(71.767.179.333)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		86.995.486.294	90.680.528.206
03	2. Các khoản dự phòng		(691.549.513)	3.279.406.120
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		441.659.022	77.936.801
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(997.028.202)	(670.168.973)
06	5. Chi phí lãi vay		27.988.609.234	21.376.176.897
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.101.138.569)	42.976.699.712
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(20.462.162.291)	(18.246.973.972)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(74.729.367.131)	(8.593.395.604)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(7.399.781.771)	(7.742.452.137)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.775.037.661)	9.105.304.926
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(27.580.016.221)	(21.241.354.689)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(793.595.885)	(853.437.561)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		112.910.000	5.553.900.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.265.749.749)	(13.716.307.884)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(143.993.939.278)	(12.758.017.209)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(12.553.842.050)	(38.557.798.582)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		50.000.000	11.363.635
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.573.151.090)	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.000.000.000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		998.787.924	1.117.425.963
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12.078.205.216)	(37.429.008.984)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			(226.400)
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		1.100.946.988.268	872.149.988.335
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(991.363.130.944)	(754.806.241.059)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(2.115.396.978)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		109.583.857.324	115.228.123.898
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(46.488.287.170)	65.041.097.705
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		192.840.815.205	127.788.041.201
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		230.999.645	11.676.299
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	146.583.527.680	192.840.815.205

Đồng Nai, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng



Lai Ping Shan



Trần Văn Minh
Tổng Giám Đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ Phần Công Nghiệp gốm sứ Taicera là doanh nghiệp được thành lập tại nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với thời gian hoạt động là 50 năm kể từ ngày 11 tháng 01 năm 1994 theo Giấy phép đầu tư số 764/GP của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

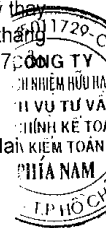
Ngày 09/08/2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp giấy phép số 764CPH/CP chấp nhận cho Công ty được chuyển thành Công ty Cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài với số vốn đầu tư là 66.166.667 Đô la Mỹ, vốn điều lệ là 250.045.940.000 đồng.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán nhà nước có quyết định số 65/UBCK-ĐKPH cho phép Công ty được phát hành ra công chúng 3.900.600 cổ phiếu với mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đ.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 4, mã số doanh nghiệp 3600254001, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 17 tháng 05 năm 2017. Và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ mười bảy, mã số dự án 4336586377. Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 22 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Gò Dầu, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 454.328.360.000 VND.



1.2 Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, sản xuất.

1.3 Hoạt động chính của Công ty là:

Sản xuất, mua bán gạch thạch anh phân quang, gạch men và các sản phẩm gốm sứ.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

1.5 Cấu trúc Nhóm Công ty

Tổng số Công ty con: 02

- Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02
- Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

Các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

- Tên công ty : Công ty TNHH Phát Triển Taicera
Địa chỉ : Lô C2, Đường K1, KCN Cát Lái - Cụm II, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q. 2, TP. HCM
Vốn điều lệ : 41.010.706.134 VND
Tỷ lệ lợi ích : 51,00%
Tỷ lệ biểu quyết : 51,00%

- Tên công ty : Công ty TNHH Taicera Keraben
Địa chỉ : 247, Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP HCM
Vốn điều lệ : 14.482.440.000 VND
Tỷ lệ lợi ích : 51,00%
Tỷ lệ biểu quyết : 51,00%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỬ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

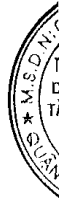
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	4%
- Máy móc, thiết bị	10% - 16%
- Phương tiện vận tải	10%
- Thiết bị công cụ quản lý	12,5%



Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

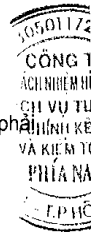
Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
 - Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.



Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của các chủ sở hữu vốn và của Hội đồng Quản trị.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỨ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:
 - + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát;
 - + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của gồm:
 - + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỬ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

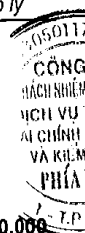
Đơn vị tính: VND

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	1.149.327.884	2.180.508.876
Tiền gửi ngân hàng	144.223.971.851	190.160.306.329
Tiền đang chuyển		500.000.000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	1.210.227.945	
Cộng	146.583.527.680	192.840.815.205

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a. Ngắn hạn	11.573.151.090	11.573.151.090		
- Tiền gửi có kỳ hạn				
+ Ngân hàng TM TNHH E-Sun	11.573.151.090	11.573.151.090		
b. Dài hạn			11.000.000.000	11.000.000.000
- Trái phiếu				
+ Ngân hàng Vietcombank			11.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	11.573.151.090	11.573.151.090	11.000.000.000	11.000.000.000



5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018	01/01/2018
- White Horse Ceramic Co.,LTD	15.536.558.932	16.269.194.499
- Cebu Oversea Hardware	15.475.511.997	11.718.376.323
- Công ty Cổ phần Hanel Mirolin	3.392.075.876	5.835.087.861
- Các đối tượng khác	130.088.708.380	113.621.747.226
Cộng	164.492.855.185	147.444.405.909

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
6.1 Ngắn hạn	29.792.277.216	26.538.416.573
- Tạm ứng cho nhân viên	851.312.658	964.411.178
- Ký cược, ký quỹ		112.910.000
- Phải thu khác	28.940.964.558	25.461.095.395
+ Trợ cấp thôi việc	2.498.845.684	2.598.669.467
+ Công ty TNHH MTV DV Công ích Quận 2 (ứng trước tiền thuế đất)	25.499.065.580	21.587.648.620
+ Khác	943.053.294	1.274.777.308
6.2 Dài hạn	13.780.809.097	5.964.371.715
- Ký cược, ký quỹ	13.780.809.097	5.964.371.715
Cộng	43.573.086.313	32.502.788.288

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
 Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

7. NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng				
- In Termak Projelendirme Makina	2.471.401.377		2.418.986.108	
- Công ty Cổ phần Hanel Mirolin	3.392.075.876	1.017.622.763	5.835.087.861	2.917.543.930
- Công ty TNHH Toàn Anh Tuấn			183.698.826	55.109.648
- Các đối tượng khác	1.350.356.992		1.350.356.992	
Cộng	7.213.834.245	1.017.622.763	9.788.129.787	2.972.653.578

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự Phòng	Giá gốc	Dự Phòng
- Hàng mua đang đi đường			2.328.033	
- Nguyên liệu, vật liệu	175.263.536.050		145.163.850.879	
- Công cụ, dụng cụ	520.000		520.000	
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.123.881.609		17.789.376.544	
- Thành phẩm	348.382.603.667	1.817.610.997	311.085.098.739	1.889.895.783
Cộng giá gốc hàng tồn kho	548.770.541.326	1.817.610.997	474.041.174.195	1.889.895.783

Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại thời điểm cuối năm: 18.634.818.759 đồng
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 150.000.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Go Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND						
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	309.446.119.357	1.210.523.487.675	33.013.985.518	6.324.396.456	66.372.384.687	1.625.680.373.693
2. Số tăng trong kỳ		7.801.313.997				7.801.313.997
- Mua sắm mới		3.877.805.358				3.877.805.358
- Đầu tư XDCB hoàn thành		3.923.508.639				3.923.508.639
3. Số giảm trong kỳ	236.772.000	375.187.500	1.150.490.714	30.400.000		1.792.850.214
- Thanh lý, nhượng bán	236.772.000	375.187.500	1.150.490.714	30.400.000		1.792.850.214
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	309.209.347.357	1.217.949.614.172	31.863.494.804	6.293.996.456	66.372.384.687	1.631.688.837.476
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	146.283.140.490	995.211.549.030	26.546.730.226	5.770.589.973	56.743.622.344	1.230.555.632.063
2. Số tăng trong kỳ	10.957.899.000	70.022.115.285	1.751.061.901	417.057.393	3.254.005.565	86.402.139.144
- Khấu hao trong kỳ	10.957.899.000	70.022.115.285	1.751.061.901	417.057.393	3.254.005.565	86.402.139.144
3. Số giảm trong kỳ	225.303.049	375.187.500	1.150.490.714	30.400.000		1.781.381.263
- Thanh lý, nhượng bán	225.303.049	375.187.500	1.150.490.714	30.400.000		1.781.381.263
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	157.015.736.441	1.064.858.476.815	27.147.301.413	6.157.247.366	59.997.627.909	1.315.176.389.944
III. Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	163.162.978.867	215.311.938.645	6.467.255.292	553.806.483	9.628.762.343	395.124.741.630
Tại ngày cuối kỳ	152.193.610.916	153.091.137.357	4.716.193.391	136.749.090	6.374.756.778	316.512.447.532

Ghi chú:

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 125.439.667.415 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 764.542.230.415 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: không có



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu kỳ		4.495.205.069	4.495.205.069
Số tăng trong kỳ		168.937.500	168.937.500
- Đầu tư XDCB hoàn thành		168.937.500	168.937.500
Số giảm trong kỳ		56.183.370	56.183.370
- Giảm khác		56.183.370	56.183.370
Số dư cuối kỳ		4.607.959.199	4.607.959.199
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ		2.045.761.851	2.045.761.851
Khấu hao trong kỳ		593.347.150	593.347.150
Giảm trong kỳ		15.892.599	15.892.599
Số dư cuối kỳ		2.623.216.402	2.623.216.402
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Tại ngày đầu kỳ		2.449.443.218	2.449.443.218
Tại ngày cuối kỳ		1.984.742.797	1.984.742.797

Ghi chú:

(*) Giá trị còn lại TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ: không có

(**) Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
+ Máy móc thiết bị thuộc xưởng 2		2.013.488.000
+ Máy móc thiết bị thuộc xưởng 3		669.438.000
+ Máy móc thiết bị thuộc xưởng 4	738.866.300	
+ Chi phí xây dựng tường rào	236.670.455	236.670.455
+ Chi phí thiết kế công trình	779.146.000	779.146.000
+ Chi phí khảo sát địa chất	59.090.909	59.090.909
+ Chi phí san lấp mặt bằng	1.570.380.311	1.570.380.311
+ Chi phí tư vấn thuê đất Quận 2	139.836.000	139.836.000
+ Công trình nhà kho và văn phòng	30.704.157.347	22.703.228.655
+ Thang máy	964.440.000	289.332.000
+ Mua sắm, sửa chữa TSCĐ khác	179.636.979	2.328.023.418
Cộng	35.372.224.301	30.788.633.748

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
12.1 Ngắn hạn	21.983.865.679	17.835.277.045
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng		21.080.000
- Chi phí sửa chữa	19.038.923.252	13.942.957.832
- Chi phí in catalog		10.472.899
- Chi phí khác	2.944.942.427	3.860.766.314
	518.282.042	2.891.833.015
12.2 Dài hạn		
- Vật tư cho xưởng 1		54.058.218
- Vật tư cho xưởng 2		98.977.273
- Vật tư cho xưởng 3		1.194.169.704
- Khác	518.282.042	1.544.627.820
Cộng	22.502.147.721	20.727.110.060

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SÚ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Đơn vị tính: VND

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

13.1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm
a. Vay ngắn hạn	526.788.205.386	526.788.205.386	1.054.446.988.268	984.700.532.524
+ Ngân hàng Bangkok TP HCM	150.962.541.953	150.962.541.953	311.255.497.737	283.072.928.579
+ Ngân hàng Ngoại thương VN - CN	159.148.228.472	159.148.228.472	345.924.435.381	381.414.999.005
+ Ngân hàng Indovina Đông Nai	92.578.339.804	92.578.339.804	184.222.252.265	179.950.780.281
+ Ngân hàng China Trust	8.419.949.760	8.419.949.760	13.968.259.092	16.270.697.475
+ Ngân hàng Huanan TP HCM	34.643.479.442	34.643.479.442	36.865.354.555	8.588.895.907
+ Ngân hàng Fubon Bình Thạnh	43.804.489.890	43.804.489.890	86.727.465.099	44.225.482.193
+ Ngân hàng Fubon TW	2.364.581.419	2.364.581.419	15.188.809.954	12.824.228.535
+ Ngân hàng FCB TP.HCM	34.866.594.646	34.866.594.646	38.255.003.119	25.792.153.185
+ Ngân hàng E-SUN Đông Nai			22.039.911.066	32.560.367.364
b. Nợ dài hạn đến hạn trả			6.662.598.420	6.662.598.420
+ Ngân hàng Shanghai Đông Nai			6.662.598.420	6.662.598.420
Cộng	526.788.205.386	526.788.205.386	1.054.446.988.268	991.363.130.944
				463.704.348.062

13.2. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm
Vay dài hạn				
+ Ngân hàng E-Sun Taiwan	46.500.000.000	46.500.000.000	46.500.000.000	
Cộng	46.500.000.000	46.500.000.000	46.500.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
 Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

(*) Thông tin chi tiết các khoản vay

Đối tượng	Hạn mức	Thời hạn	Dự nợ	Mục đích
(1) Ngân hàng Bangkok TP HCM	USD 7.000.000,00	6 tháng	150.962.541.953	Bổ sung vốn lưu động
(2) Ngân hàng Ngoại thương VN - CN Nhơn Trạch	VND 160.000.000.000	6 tháng	159.148.228.472	Bổ sung vốn lưu động
(3) Ngân hàng Indovina Đồng Nai	USD 4.000.000,00	6 tháng	92.578.339.804	Bổ sung vốn lưu động
(4) Ngân hàng China Trust	USD 1.500.000,00	6 tháng	8.419.949.760	Bổ sung vốn lưu động
(5) Ngân hàng Huanan TP HCM	USD 2.200.000,00	6 - 12 tháng	34.643.479.442	Bổ sung vốn lưu động
(6) Ngân hàng Fubon Bình Thạnh	USD 2.000.000,00	6 tháng	43.804.489.890	Bổ sung vốn lưu động
(7) Ngân hàng Fubon TW	USD 2.000.000,00	6 tháng	2.364.581.419	Bổ sung vốn lưu động
(8) Ngân hàng FCB TP HCM	USD 1.500.000,00	6 tháng	34.866.594.646	Bổ sung vốn lưu động
(9) Ngân hàng E-Sun Taiwan	USD 2.000.000,00	60 tháng	46.500.000.000	Thực hiện dự án đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	212.719.696.982	212.719.696.982	209.185.773.235	209.185.773.235
- Xí Nghiệp Phân Phối Khí Thấp Áp Vũng Tàu	23.329.085.506	23.329.085.506	27.117.395.142	27.117.395.142
- DNTN Bình An	14.874.604.151	14.874.604.151	20.242.357.535	20.242.357.535
- Phải trả các đối tượng khác	174.516.007.325	174.516.007.325	161.826.020.558	161.826.020.558
Cộng	212.719.696.982	212.719.696.982	209.185.773.235	209.185.773.235

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
	15.1. Các khoản phải thu			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.898.625.536		793.595.885	3.692.221.421
Cộng	2.898.625.536		793.595.885	3.692.221.421
15.2. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	207.877.717	2.905.441.277	2.332.841.840	780.477.154
Thuế thu nhập cá nhân	71.828.412	2.844.705.584	2.893.681.771	22.852.225
Cộng	279.706.129	5.750.146.861	5.226.523.611	803.329.379

Ghi chú:

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
- Lãi vay	764.543.957	355.950.944
- Dịch vụ đảm bảo chất lượng gạch mài bóng		7.326.197.566
- Phí hoa hồng bán hàng	1.295.698.558	1.066.101.506
- Phí sử dụng nhãn hiệu	1.231.510.210	567.650.000
- Phí kiểm toán	246.150.000	1.310.150.000
- Trích trước chi phí tiền điện, tiền vận chuyển, tiền cơm	3.371.470.526	4.092.776.600
- Chi phí phải trả khác	1.653.002.409	1.581.670.666
Cộng	8.562.375.660	16.300.497.282

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
17.1. Ngắn hạn	881.959.134	960.493.010
- Kinh phí công đoàn	305.684.610	305.684.610
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	576.274.524	654.808.400
17.2. Dài hạn	168.000.000	168.000.000
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	168.000.000	168.000.000
Cộng	1.049.959.134	1.128.493.010

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu						Đơn vị tính: VND		
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	454.328.360.000	86.520.960.000	(76.714.400)	45.813.008.047	12.417.366.898	44.571.160.753	23.165.376.008	666.739.517.306
Tăng vốn trong năm trước							5.553.900.000	5.553.900.000
Lỗ trong năm trước							(2.573.678.514)	(71.767.179.333)
Giảm vốn trong kỳ			(226.400)			(69.193.500.819)		(226.400)
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát					(10.464.698.982)	(592.551.643)		(592.551.643)
Sử dụng quỹ					1.952.667.916			(10.464.698.982)
Số dư đầu năm	454.328.360.000	86.520.960.000	(76.940.800)	45.813.008.047	1.952.667.916	(25.214.891.709)	26.145.597.494	589.468.760.948
Tăng khác					4.466.768.284			4.466.768.284
Lỗ trong năm nay						(114.207.380.122)	(2.630.935.282)	(116.838.315.404)
Sử dụng quỹ					(449.312.367)			(449.312.367)
Giảm khác				(4.466.768.284)				(4.466.768.284)
Số dư cuối năm	454.328.360.000	86.520.960.000	(76.940.800)	41.346.239.763	5.970.123.833	(139.422.271.831)	23.514.662.212	472.181.133.177



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỬ TAICERA
 Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
Vốn góp của Nhà nước	454.251.419.200	454.251.645.600
Vốn góp của các cổ đông	76.940.800	76.714.400
Cổ phiếu quỹ		
Cộng	454.328.360.000	454.328.360.000

18. c) Các quỹ của Công ty

	31/12/2018	01/01/2018
- Quỹ đầu tư phát triển	41.346.239.763	45.813.008.047
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.970.123.833	1.952.667.916
Cộng	47.316.363.596	47.765.675.963

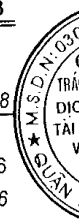
18. d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.432.836	45.432.836
- Cổ phiếu phổ thông	45.432.836	45.432.836
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	7.694	7.694
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.425.142	45.425.142
- Cổ phiếu phổ thông	45.425.142	45.425.142
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2018	01/01/2018
Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	3.594.255,02	6.803.296,86
- Euro (EUR)	36.739,25	35.938,81
- Yên Nhật (JPY)	95.746,00	97.130,00
- Dollar Đài Loan (TWD)	83,00	83,00



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo khu vực địa lý cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Trong nước	Nước ngoài	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận	982.906.130.092	366.387.421.498	1.349.293.551.590
Doanh thu giữa các bộ phận			
Cộng	982.906.130.092	366.387.421.498	1.349.293.551.590
Kết quả kinh doanh	(67.420.014.078)	(23.258.972.497)	(90.678.986.575)
Doanh thu tài chính	2.935.905.812	5.022.040.447	7.957.946.259
Chi phí tài chính	31.750.016.223	6.858.756.554	38.608.772.777
Thu nhập khác			4.580.072.152
Chi phí khác			88.574.463
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(2.630.935.282)
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát			
Tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			(114.207.380.122)

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Trong nước	Nước ngoài	Hợp nhất
Tài sản của bộ phận	185.441.954.594	69.845.071.101	255.287.025.695
Tài sản không phân bổ			1.047.405.872.639
Tổng tài sản			1.302.692.898.334
Nợ phải trả của bộ phận	163.780.269.354	93.443.290.417	257.223.559.771
Nợ phải trả không phân bổ			573.288.205.386
Tổng nợ phải trả			830.511.765.157

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Hoạt động đầu tư	Hợp nhất
Tổng doanh thu của bộ phận bán ra bên ngoài	1.349.293.551.590		1.349.293.551.590
Tài sản của bộ phận	1.291.119.747.244	11.573.151.090	1.302.692.898.334

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng	1.369.245.628.068	1.379.363.539.469
Cộng	1.369.245.628.068	1.379.363.539.469

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
Chiết khấu thương mại	16.737.205.948	18.625.210.748
Giảm giá hàng bán	339.366.961	6.597.818
Hàng bán bị trả lại	2.875.503.569	2.864.881.548
Cộng	19.952.076.478	21.496.690.114

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ đã cung cấp	1.211.120.115.709	1.186.165.960.742
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(72.284.786)	(155.078.992)
Cộng	1.211.047.830.923	1.186.010.881.750

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	998.787.924	1.117.425.963
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.105.362.908	2.194.169.605
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.147.018.471	120.762.098
- Lãi bán hàng trả chậm	1.706.776.956	
Cộng	7.957.946.259	3.432.357.666

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
- Chi phí lãi vay	27.988.609.234	21.376.176.891
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.928.643.146	1.571.754.026
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.588.677.493	198.698.899
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.102.842.904	3.430.359.715
Cộng	38.608.772.777	26.576.989.531

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
- Chi phí vận chuyển	55.011.167.270	53.806.190.749
- Chi phí hoa hồng	15.580.301.118	17.382.653.404
- Chi phí xuất khẩu	17.434.591.582	19.976.241.846
- Chi phí thuê kho dự trữ	1.006.538.702	962.046.312
- Chi phí nhân viên	448.242.804	506.395.714
- Chi phí khấu hao TSCĐ	52.036.344	52.036.344
- Chi phí khấu hao ngoài	1.139.630.400	362.339.591
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.219.359.508	36.787.050.385
- Chi phí bằng tiền khác		
Cộng	129.891.867.728	129.834.954.345

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
 Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
- Chi phí nhân viên quản lý	24.614.061.497	26.832.275.906
- Chi phí công cụ dụng cụ	17.897.980.743	17.112.310.090
- Chi phí khấu hao TSCĐ	33.787.500	
- Chi phí dự phòng	(619.264.727)	3.043.575.268
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.027.430.809	478.660.086
- Chi phí bằng tiền khác	56.078.843.692	50.081.403.980
Cộng	99.032.839.514	97.548.225.330

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	50.000.000	11.363.635
- Thuế nhập khẩu được hoàn	818.694.925	5.223.070.568
- Thu nhập từ bán phế liệu	1.587.684.365	1.235.332.717
- Thu nhập khác	2.123.692.862	976.266.349
Cộng	4.580.072.152	7.446.033.269

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		53.320.625
- Phí nhượng quyền thương hiệu		413.995.560
- Chi phí khác	88.574.463	74.052.482
Cộng	88.574.463	541.368.667

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Cộng		

31. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho các cổ đông	(114.207.380.122)	(69.193.500.819)
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	45.425.142	45.425.142
Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	(2.514)	(1.523)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỬ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

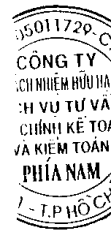
32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	983.566.916.185	930.770.105.917
Chi phí nhân công	139.636.381.875	138.290.972.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	86.995.486.294	90.680.528.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	159.962.221.858	156.296.779.483
Chi phí khác bằng tiền	106.531.680.586	94.287.729.775
Cộng	1.476.692.686.798	1.410.326.115.424

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

33.1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông CHEN CHENG JEN	Chủ tịch HĐQT
Ông CHEN SIN SIANG	Thành viên HĐQT
Ông HSU RONG SHENG	Thành viên HĐQT
Ông CHEN YUAN MING	Tổng giám đốc



Trong quá trình hoạt động kinh doanh năm 2018, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các thành viên quản lý chủ chốt. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Ông CHEN CHENG JEN	Chủ tịch HĐQT	Lương và thưởng	577.060.000
Ông CHEN SIN SIANG	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	566.764.000
Ông HSU RONG SHENG	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	559.837.600
Ông CHEN YUAN MING	Tổng giám đốc	Lương và thưởng	559.616.602

Cho đến ngày 31/12/2018, không còn khoản nào chưa được thanh toán với các thành viên quản lý chủ chốt.

33.2 Giao dịch với các bên liên quan là tổ chức

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ vốn
Công ty TNHH Taicera Keraben	Công ty con	51%
Công ty TNHH Phát Triển Taicera	Công ty con	51%

Trong quá trình hoạt động kinh doanh năm 2018, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan là tổ chức. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Công ty TNHH Taicera Keraben	Công ty con	Bán hàng	11.548.119.834
Công ty TNHH Phát Triển Taicera	Công ty con	Bán hàng	165.681.865

Cho đến ngày 31/12/2018, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu
Công ty TNHH Taicera Keraben	Công ty con	Phải thu tiền bán hàng	12.780.399.183
Công ty TNHH Phát triển Taicera	Công ty con	Phải thu tiền bán hàng	723.383.316

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP GÓM SỮ TAICERA
Địa chỉ: KCN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

33.3. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

33.4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

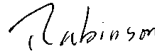
Đồng Nai, ngày 28 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu



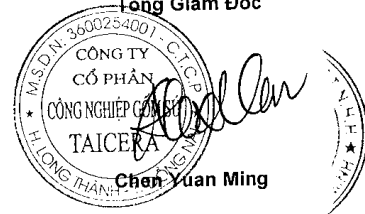
Trần Đình Tâm

Kế toán trưởng



Lai Ping Shan

Tổng Giám Đốc



Chen Yuan Ming



Số: 327 /BCKT/TC/2019/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2018 của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Gốm sứ Taicera

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp gốm sứ Taicera ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 28 tháng 01 năm 2019 từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kiểm toán Phiá Nam

TRÁCH NHIỆM HỮU LỢI
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM

PHÙNG NGỌC TOÀN

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0335-2018-142-1

Kiểm toán viên

TẠ QUANG LONG

Số Giấy CN ĐKHN KT: 0649-2018-142-1



THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông CHEN CHENG JEN – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1983 – 1995: Tổng Giám Đốc công ty CPHH ENGAR

1995 –2018: Tổng Giám Đốc Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2007 –2016: Thành viên HĐQT kiêm TGD Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2016 –2018: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2. Ông CHEN SIN SIANG – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1986 – 2018: Chủ tịch HĐQT công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ THUẬN LỢI

1994 – 2016: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2016 – 2018: Thành viên HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

3. Ông HSU RONG SHENG – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quá trình công tác:

1995 –2018: Tổng Giám Đốc Công ty CPHH Công Nghiệp Gốm Sứ CHÁNH PHONG

2005 –2018: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

4. Ông HSU JONG CHIN – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1995-2006 : Phó Tổng Giám đốc công ty CPHH CN gốm sứ Chánh Phong.

2005-2018 : Thành viên HĐQT Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

5. Ông CHEN WEN CHIN – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

1996-2006: Phó giáo sư khoa quản lý học Chung Hua University

2007-2012: Giáo sư khoa quản lý học Chung Hua University

2008-2018: Trưởng khoa, giám đốc khoa quản lý học Chung Hua University

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2012-2018: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

6. Ông CHEN JO YUAN – Thành viên Hội đồng quản trị

Quá trình công tác:

2006-2008: kỹ sư XSTREAM Technology corp.

2008-2009: kỹ sư Wison Technology Corporation

2009-2010: kỹ sư Quanta Computer Inc

2010-2015: kỹ sư HTC

2013-2018: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông HSIEH JAN HWANG – Trưởng Ban kiểm soát

2006-2018: CFO Tài chính Công ty VEDAN-VN.

2013-2018: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

2. Ông CHENG YEU CHYI – Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

2006-2009: Giám đốc BP quản lý công ty gốm sứ Chánh Phong

2010-2018: Giám đốc NCKT Unictron Technologies Corp

2013-2018: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

3. Ông CHIEN SU CHEN – Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

1995-2018: Kế toán Công ty Chen Shi

2013-2018: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Công nghiệp Gốm sứ Taicera

THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

1. Ông CHEN MING YUAN – Tổng giám đốc

2000-2002: Trưởng phòng International United Technology Co., LTD

2002-2014: Giám đốc Innolux Corporation

2014-2016: Phó Tổng Điều hành Công ty CPCN GS Taicera

2016-2018: Tổng Giám Đốc Công ty CPCN GS Taicera

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

1. Thông tin chi tiết về cổ đông nắm giữ cổ phần niêm yết:

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Đã lưu ký:	3,059	10,185,816	22.42%
	Trong đó:			
1	<i>Trong nước:</i>	<i>2,951</i>	<i>5,247,046</i>	<i>11.55%</i>
	Cá nhân:	2,905	5,246,447	11.55%
	Tổ chức:	46	599	0.00%
2	<i>Nước ngoài:</i>	<i>108</i>	<i>4,938,770</i>	<i>10.87%</i>
	Cá nhân:	100	4,424,092	9.74%
	Tổ chức:	8	514,678	1.13%
II	Chưa lưu ký:	283	187,374	0.41%
	Trong đó:			
1	<i>Trong nước:</i>	<i>268</i>	<i>68,562</i>	<i>0.15%</i>
	Cá nhân:	267	60,962	0.13%
	Tổ chức:	1	7,600	0.02%
2	<i>Nước ngoài:</i>	<i>15</i>	<i>118,812</i>	<i>0.26%</i>
	Cá nhân:	8	12,716	0.03%
	Tổ chức:	7	106,096	0.23%
3	Cộng	3,342	10,373,190	22.83%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**2. Thông tin chi tiết về cổ đông nắm giữ cổ phần chưa niêm yết:**

Stt	Loại hình cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<i>1</i>	<i>Trong nước:</i>	<i>1</i>	<i>94</i>	<i>0.00%</i>
	Cá nhân:	-	-	-
	Tổ chức:	1	94	0.00%
<i>2</i>	<i>Nước ngoài:</i>	<i>21</i>	<i>35,059,552</i>	<i>77.17%</i>
	Cá nhân:	18	13,405,492	29.51%
	Tổ chức:	3	21,654,060	47.66%
3	Cộng	22	35,059,646	77.17%

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CHEN CHENG JEN